

FACTORS AFFECTING THE EFFICIENCY OF AGRICULTURAL COOPERATIVES OF THAI NGUYEN PROVINCE

Nguyen Duc Quang

TNU - University of Agriculture and Forestry

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 09/12/2023 Revised: 29/12/2023 Published: 29/12/2023	The study was conducted to evaluate the factors affecting the performance of agricultural cooperatives in Thai Nguyen province, thereby proposing solutions to improve operational efficiency for agricultural cooperatives in Thai Nguyen province. The study conducted an interview survey with 358 agricultural cooperatives in the province. Research results have shown several remaining problems of agricultural cooperatives such as the starting point for establishing agricultural cooperatives affecting common activities, land area used, and loans mainly from cooperative members. Multi-sector agricultural cooperatives operate more effectively than single-sector agricultural cooperatives. The results of regression analysis of factors affecting the performance of agricultural cooperatives show that the starting point for establishing the cooperative, form of operation, scope of activities, professional qualifications of the Director, and capital contribution of members have influence on the performance of agricultural cooperatives. Therefore, the study has proposed several necessary solutions in the coming time to develop local agricultural cooperatives.
KEYWORDS	
Agricultural cooperatives	
Thai Nguyen	
Solution	
Affecting	
The performance	

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Đức Quang

Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 09/12/2023 Ngày hoàn thiện: 29/12/2023 Ngày đăng: 29/12/2023	Nghiên cứu được thực hiện để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, từ đó đề xuất các giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động cho các hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên. Nghiên cứu đã thực hiện điều tra phỏng vấn 358 hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số vấn đề còn tồn tại của các hợp tác xã nông nghiệp như xuất phát điểm thành lập hợp tác xã nông nghiệp ảnh hưởng đến các hoạt động chung, diện tích đất sử dụng, vốn vay chủ yếu là từ thành viên hợp tác xã. Các hợp tác xã nông nghiệp đa ngành hoạt động có hiệu quả hơn các hợp tác xã nông nghiệp đơn ngành. Kết quả phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp cho thấy điểm xuất phát thành lập hợp tác xã, hình thức hoạt động, phạm vi hoạt động, trình độ chuyên môn của Giám đốc, và nguồn vốn góp của thành viên có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp. Do đó, nghiên cứu đã đưa ra một số các giải pháp cần thiết trong thời gian tới để phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở địa phương.
TỪ KHÓA	
Hợp tác xã nông nghiệp	
Thái Nguyên	
Giải pháp	
Ảnh hưởng	
Hiệu quả hoạt động	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9371>

Email: nguyenducquang@tuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW [1], Chỉ thị số 20-CT/TW [2] ngày 20/01/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương 5, khoá IX, Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể [3], Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, từ năm 2003 đến nay, khu vực kinh tế tập thể (KTTC), hợp tác xã (HTX) trên địa bàn tỉnh ngày càng có nhiều khởi sắc, các hợp tác xã, tổ hợp tác (THT) có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, đã xuất hiện nhiều mô hình mới hoạt động hiệu quả [4], [5]. Các mô hình KTTC dần trở thành nhân tố quan trọng trong giải quyết việc làm, bảo đảm đời sống cho đông đảo người lao động, tạo sự ổn định về chính trị, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội [6] - [8].

Đến hết 31/12/2022, tỉnh Thái Nguyên có 78 HTX thành lập mới đạt 195% kế hoạch, giải thể 03 HTX, nâng tổng số HTX toàn tỉnh lên 718 đơn vị, trong đó: 495 HTX nông nghiệp, 223 HTX phi nông nghiệp (58 HTX công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, 41 HTX xây dựng và khai thác vật liệu xây dựng, 89 HTX thương mại dịch vụ, 21 HTX vận tải, 11 HTX vệ sinh môi trường và 03 Quỹ tín dụng nhân dân) với trên 42.500 thành viên và người lao động. Các HTX chuyển đổi và thành lập mới đã tuân thủ nghiêm nguyên tắc, quy định của Luật HTX; vốn, quỹ của HTX ngày càng được tăng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất, kinh doanh của thành viên. HTX đã phát huy quyền tự chủ, tự quyết định và chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất, kinh doanh; thành viên HTX xác định được trách nhiệm trong xây dựng và phát triển HTX. Bộ máy quản lý của HTX được đổi mới, đa số hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, có lãi. Công tác phát triển và huy động nguồn vốn góp của thành viên được chú trọng; hoạt động liên kết hợp tác giữa HTX, THT với doanh nghiệp được hình thành và mở rộng [9], [10].

Mặc dù được lãnh đạo các sở ban ngành quan tâm và tạo điều kiện nhưng kết quả mang lại còn tồn tại nhiều hạn chế, trong đó nhận thấy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (lợi nhuận) của các hợp tác xã nông nghiệp còn thấp. Đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng mà nhiều nông dân chưa mạnh dạn tham gia vào hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN). Trên cơ sở thực tế tại địa phương về tình hình phát triển các HTXNN, việc nghiên cứu đề tài là cần thiết nhằm phản ánh được các yếu tố tác động hiệu quả sản xuất kinh doanh và đề xuất được các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của các HTXNN tại tỉnh Thái Nguyên [11] - [13].

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp chọn vùng và đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài báo là hình thức quản lý, tổ chức các hoạt động của HTXNN tại tỉnh Thái Nguyên.

Bài báo nghiên cứu chủ yếu các HTXNN ở thành phố Thái Nguyên, huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Phú Bình là nơi tập trung nhiều HTX, nhiều HTXNN quy mô lớn, sản phẩm nông nghiệp đa dạng của tỉnh Thái Nguyên.

Dựa trên danh sách HTXNN do liên hiệp HTX tỉnh Thái Nguyên cung cấp, số mẫu quan sát được tiến hành chọn dựa vào phân nhóm theo lĩnh vực của HTXNN là trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh. Phương pháp Slovin được sử dụng để lựa chọn được số mẫu phù hợp là 358 theo từng lĩnh vực. Số liệu mẫu điều tra cụ thể được thể hiện như bảng 1.

Bảng 1. Mẫu điều tra

Lĩnh vực nông nghiệp	Tổng	Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản
Số lượng HTXNN	495	320	150	49	19	10
Số mẫu	358	177	109	44	18	10

2.2. Phương pháp phân tích

Phương pháp thống kê mô tả: Dùng để mô tả thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX ở tỉnh Thái Nguyên thông qua các giá trị trung bình, giá trị lớn nhất, nhỏ nhất, tần suất xuất hiện. Phương pháp này được sử dụng nhằm phân tích và đánh giá tình hình hoạt động như: Nguồn vốn góp, quy mô hoạt động, ngành nghề sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận, hoạt động của các dịch vụ đầu vào, đầu ra, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm của HTX.

Phương pháp phân tích: Để thực hiện phân tích số liệu, phần mềm STATA 12® được sử dụng.

Phương pháp phân tích hồi quy đa biến: Mục đích của phương pháp hồi quy là ước lượng mức độ tương quan giữa các biến độc lập đến biến phụ thuộc. Do đó, để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các HTXNN ở tỉnh Thái Nguyên, nghiên cứu sử dụng mô hình phân tích hồi quy đa biến.

2.3. Cơ sở phân tích mô hình định lượng

Trên cơ sở tham khảo các kết quả nghiên cứu trước đây về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTXNN, trong mô hình nghiên cứu, LOINHUAN là tổng lợi nhuận tất cả các hoạt động của HTX thu được trong một năm (triệu đồng/năm). Trên cơ sở các luận điểm vừa nêu trên, mô hình định lượng được thiết lập trong phạm vi nghiên cứu này bao gồm 7 yếu tố là biến độc lập: điểm xuất phát thành lập HTXNN (X1), hoạt động đúng ngành nghề (X2), hình thức hoạt động (X3), phạm vi hoạt động (X4), trình độ học vấn của ban giám đốc (X5), tuổi của giám đốc (X6) và nguồn vốn góp của thành viên (X7), trong đó lợi nhuận của HTXNN là biến phụ thuộc (Y), đơn vị tính triệu đồng/năm. Căn cứ chọn biến của mô hình hồi quy được thể hiện cụ thể tại bảng 2.

$$\text{LOINHUAN} = a + b_1\text{DIEMXUATPHATTHANHLAP} + b_2\text{HDDUNGNGANHNGHE} + b_3\text{HTHOATDONG} + b_4\text{PVHOATDONG} + b_5\text{TDCMGIAMDOC} + b_6\text{TUOIGIAMDOC} + b_7\text{TONGVONGOP}$$

Bảng 2. Căn cứ chọn biến của mô hình hồi quy

Tên biến	Dấu kỳ vọng	Diễn giải	Nguồn
X1: Điểm xuất phát thành lập	+	Tiền thân của HTX (1 = THT; 0 = HTX và các hình thức khác)	[14], [15]
X2: Hoạt động đúng với ngành nghề đăng ký	+	1 = Hoạt động đúng với ngành nghề đã đăng ký; 0 = không hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký	[9], [15]
X3: Hình thức hoạt động	+	1 = HTX đa dạng dịch vụ; 0 = HTX đơn dịch vụ	[9], [14] - [17]
X4: Phạm vi hoạt động	+	1 = Phạm vi hoạt động rộng ngoài xã, huyện; 0 = phạm vi hoạt động trong xã, huyện	[14], [15]
X5: Giám đốc HTX có trình độ chuyên môn	+	1 = giám đốc HTX có trình độ chuyên môn; 0 = giám đốc HTX không có trình độ chuyên môn	[9], [18], [19]
X6: Tuổi của Giám đốc HTX	-	Tuổi của giám đốc (năm)	[14], [15]
X7: Nguồn vốn góp của thành viên	+	Tổng vốn góp điều lệ của thành viên vào HTX	[9], [14], [15], [17]

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng về tình hình hoạt động HTXNN

3.1.1. Điểm xuất phát thành lập HTXNN

Bảng 3 trình bày về quá trình hình thành và phát triển HTX của tỉnh cho thấy có 46,4% tiền thân của HTX được thành lập xuất phát từ tổ hợp tác, 25,4% điểm xuất phát từ nhóm nông dân có cùng nguyện vọng, sở thích, 22,1% điểm xuất phát thành lập HTX từ câu lạc bộ. Kết quả cũng chỉ ra rằng các HTX có điểm xuất phát từ tổ hợp tác thường hoạt động hiệu quả hơn các hình thức còn lại. Bên cạnh đó, hầu hết các HTXNN hoạt động tốt và trung bình (theo đánh giá, xếp loại của chính quyền địa phương), phần lớn là những HTX có tiền thân từ tổ hợp tác. Bên

cạnh đó, trong thời gian qua, các câu lạc bộ hay nhóm nông dân có cùng mục đích, nguyện vọng thành lập lên HTX thường hoạt động chưa tốt. Kết quả phỏng vấn chuyên gia đã ghi nhận nguyên nhân này là do: thiếu tính pháp lý và những ràng buộc trách nhiệm ban đầu nên quá trình hoạt động của các HTXNN này thường phát sinh những bất cập trong công tác quản lý, phân bổ lợi nhuận và tính đồng thuận trong xây dựng kế hoạch, từ đó dẫn đến hoạt động kém hiệu quả hơn so với các HTX được hình thành từ tổ hợp tác.

Bảng 3. Cơ sở hình thành

	Nhân tố	Tần số	Tỉ lệ (%)
Tiền thân	Tổ hợp tác	167	46,6
	Câu lạc bộ sản xuất	79	22,1
	Nhóm nông dân có cùng nguyện vọng	91	25,4
	Khác	21	5,9
Tổng		358	100

(Nguồn: Số liệu điều tra HTXNN, 2022)

3.1.2. Diện tích đất của các HTXNN

Kết quả tại bảng 4 cho thấy, diện tích đất trung bình của tất cả thành viên HTX là 7,3 (ha), trong đó diện tích đất chung của HTX là 4,2 (ha), vì vậy trong nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh HTX cũng không chủ động được mà phải lệ thuộc vào thành viên. Trong quá trình hoạt động, một số HTX chỉ mượn tạm nhà của giám đốc hoặc phó giám đốc, hay trụ sở HTX để hoạt động, do đó đã làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX trong thời gian qua, tác động đến năng lực, điều kiện và hiệu quả làm việc của Ban giám đốc HTX. Nguồn lực về đất đai có mối quan hệ tác động đến lợi ích của cho thành viên, đặc biệt đối với HTXNN. Tại Thái Nguyên, phần lớn các HTX trông trọt và dịch vụ nông nghiệp có diện tích đất lớn nhất cả về diện tích chung của HTX và diện tích của các thành viên.

Bảng 4. Diện tích đất trung bình của hợp tác xã điều tra

Diện tích đất trung bình của hợp tác xã	Loại hình HTX					Trung bình (ha)
	Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ NN	Lâm nghiệp	Thủy sản	
Diện tích đất chung của HTX (ha)	6,7	3,1	4,8	4,2	2,2	4,2
Diện tích trung bình của tất cả thành viên HTX (ha)	8,6	7,2	8,9	5,9	6,1	7,3

(Nguồn: Số liệu điều tra HTXNN, 2022)

3.1.3. Nguồn vốn của HTXNN

Trong nghiên cứu này, nguồn vốn bao gồm: vốn huy động từ thành viên và các nguồn vốn khác như: Nguồn vốn vay ngân hàng, nguồn hỗ trợ từ các chương trình/dự án của Nhà nước để phát triển HTX, trình bày qua Bảng 5.

Bảng 5. Nguồn vốn huy động của hợp tác xã

Nhân tố	Số HTXNN	Tỉ lệ (%)
Nguồn vốn góp của thành viên	276	77,1
Nguồn vốn góp và vốn vay từ ngân hàng	56	15,6
Nguồn vốn góp và hỗ trợ từ chương trình, dự án của Nhà nước	26	7,3
Tổng	358	100

(Nguồn: Số liệu điều tra HTXNN, 2022)

Theo số liệu điều tra, vốn điều lệ của các HTX trung bình khoảng 723 triệu đồng, dao động từ 14 triệu đồng (HTX nông lâm nghiệp và dịch vụ tổng hợp Thượng Nung Nguồn) đến 6,2 tỉ đồng (HTX Dịch vụ chăn nuôi thủy sản Kim Đình). Nguồn vốn hoạt động của các HTX ở Thái Nguyên chủ yếu là các nguồn huy động từ thành viên, hỗ trợ từ các dự án chương trình của Nhà nước và vay ngân hàng. Theo kết quả này, năng lực tài chính của thành viên và khả năng huy động vốn của bộ máy điều hành HTX là yếu tố quyết định đến nguồn lực tài chính của HTX. Mặc

dù nguồn vốn góp từ thành viên đăng ký cao, nhưng kết quả nghiên cứu cho thấy, nguồn vốn góp thực tế của thành viên thường thấp hơn so với quy định tại Đại hội thành viên. Hiện nay, vẫn còn nhiều HTX đang phải trả nợ ngân hàng như HTX chè an toàn Hoan Xuyến, HTX Nông nghiệp Ngọc Anh Yên Lạc, HTX Nông nghiệp, dịch vụ, xây dựng Hợp Thành...

3.2. Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh của các HTXNN

Các HTXNN ở tỉnh hiện nay có khá nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều loại dịch vụ. Kết quả tổng hợp được trình bày ở bảng 6. Kết quả kiểm định t cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với các chỉ tiêu doanh thu và chi phí ở mức $\alpha = 5\%$ và chỉ tiêu lợi nhuận ở mức $\alpha = 10\%$. Kết quả này cho thấy dịch vụ có ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả hoạt động của các HTXNN. Kết quả cho thấy rằng tỷ số lợi nhuận trên chi phí của HTXNN đơn dịch vụ là 0,034, có nghĩa là một đồng chi phí bỏ ra sẽ tạo ra 0,034 đồng lợi nhuận. Tỷ số lợi nhuận của các HTXNN đa dịch vụ là 0,027, tức là cứ một đồng chi phí bỏ vào sẽ tạo ra 0,027 đồng lợi nhuận. Tỷ số lợi nhuận trên doanh thu đối với HTXNN đơn dịch vụ là 0,033, cho thấy cứ một đồng doanh thu sẽ tạo ra 0,033 đồng lợi nhuận. Đối với HTXNN đa dịch vụ thì tỷ số lợi nhuận trên doanh thu là 0,026, cho thấy cứ một đồng doanh thu sẽ thu lại 0,026 đồng lợi nhuận. Điều này nói lên rằng, HTXNN hoạt động đa dịch vụ sẽ mang lại hiệu quả hơn so với HTXNN hoạt động đơn dịch vụ. HTX hoạt động đa dịch vụ sẽ mang lại lợi nhuận cho HTX cũng như cho thành viên cao hơn HTX hoạt động đơn dịch vụ. Đồng thời khả năng nổi kết thị trường để mở rộng, đa dạng các hoạt động sẽ mang lại lợi nhuận nhiều hơn những HTX chỉ hoạt động ở hình thức chuyên ngành hoặc đơn dịch vụ.

Bảng 6. Các chỉ tiêu về hiệu quả theo hình thức tổ chức hoạt động

Chỉ tiêu	HTXNN đa dịch vụ	HTXNN đơn dịch vụ	Chênh lệch	Mức ý nghĩa
Doanh thu (triệu đồng/năm)	3.743,56	4.635,47	891,91	0,053
Chi phí (triệu đồng/năm)	3.620,74	4.512,2	891,46	0,052
Lợi nhuận (triệu đồng/năm)	122,82	123,27	0,45	0,094
Lợi nhuận/ chi phí	0,034	0,027	0,007	0,855
Lợi nhuận/ doanh thu	0,033	0,026	0,006	0,841

3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận HTXNN

Bảng 7 cho thấy mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến. Kết quả phân tích cho thấy hệ số Sig. của F = 0,000 (nhỏ hơn 0,05 so với mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$) nên mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê, tức là các biến độc lập có mối tương quan với biến phụ thuộc Y. Hệ số R^2 hiệu chỉnh = 0,928 (92,8% sự biến thiên của mối tương quan đến lợi nhuận được giải thích bởi các biến độc lập đưa vào mô hình, 7,2% là do sai số ngẫu nhiên hoặc các yếu tố khác chưa được nghiên cứu). Dựa vào kết quả phân tích mô hình hồi quy cho thấy, trong 7 biến đưa vào mô hình thì có 5 biến ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến lợi nhuận của HTXNN. Kết quả phân tích hồi quy đa biến được ghi nhận như sau:

Bảng 7. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Biến độc lập	Hệ số hồi quy	Giá trị t	Giá trị Sig. (P – value)	Hệ số (VIF)
X ₁ : Điểm xuất phát thành lập HTXNN	169,692161	2,091	0,095**	1,597
X ₂ : Hoạt động đúng ngành nghề đăng ký	169,845625	1,488	0,048 ^{ns}	1,237
X ₃ : Hình thức hoạt động	158,294729	1,039	0,044**	1,520
X ₄ : Phạm vi hoạt động	105,873524	1,918	0,083**	1,609
X ₅ : Trình độ chuyên môn của giám đốc	132,692910	1,689	0,095**	1,260
X ₆ : Tuổi của giám đốc	5,193140	0,840	0,415 ^{ns}	1,153
X ₇ : Nguồn vốn góp	0,003970	1,213	0,099**	1,672
Hằng số a	124.829,802		0,665	
Hệ số Sig. của F = 0,000				
Hệ số R^2 hiệu chỉnh = 0,928				

*Ghi chú: Biến phụ thuộc là lợi nhuận của HTXNN (triệu đồng); ** ý nghĩa ở mức $\alpha = 5\%$; ^{ns}Không có ý nghĩa*

Kết quả Bảng 7 cho thấy, các biến X_1 , X_3 , X_4 , X_5 , X_7 tác động đến lợi nhuận của HTX ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$, trong khi đó các biến X_2 và X_6 không tác động đến lợi nhuận của HTXNN khi phân tích thống kê ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$.

Điểm xuất phát thành lập HTX: Biến này có hệ số dương ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$ cho thấy ảnh hưởng tích cực của biến điểm xuất phát thành lập HTX đến hiệu quả hoạt động của HTXNN, có nghĩa là khi điểm xuất phát thành lập HTX là tổ hợp tác thì lợi nhuận của HTX càng tăng. Cụ thể, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi HTXNN được thành lập từ tổ hợp tác (biến $X_1 = 1$) sẽ giúp tăng lợi nhuận cho HTXNN thêm hơn 169 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do Ban giám đốc có kinh nghiệm trong quản lý, điều hành và có khả năng liên kết, tìm kiếm thị trường cho sản phẩm của thành viên tốt hơn các HTXNN được thành lập từ câu lạc bộ hoặc các hình thức khác. Tổ chức tiền thân của HTX đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại hiệu quả hoạt động cho HTX. Do vậy, cần chú ý đến yếu tố này trong quá trình phát triển HTX.

Biến hình thức hoạt động có tác động cùng chiều với lợi nhuận của HTX ở mức ý nghĩa 5%, nghĩa là khi HTX mở rộng thêm dịch vụ hoạt động (tăng thêm 1 dịch vụ hay $X_3 = 1$) trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, thì lợi nhuận của HTX sẽ tăng thêm khoảng hơn 158 triệu đồng. Thật vậy, theo kết quả nghiên cứu cho thấy, vấn đề mở rộng thêm dịch vụ cho HTX là rất cần thiết để giúp HTX phục vụ tốt hơn cho thành viên và người dân, nhằm tạo cho HTX có nhiều lợi nhuận. Hợp tác xã hoạt động ở hình thức đa dạng dịch vụ sẽ giúp HTX hoạt động tốt hơn những HTX hoạt động đơn dịch vụ.

Biến phạm vi hoạt động có mối tương quan thuận với lợi nhuận của HTX P – value (Sig.) = 0,083, ở mức ý nghĩa thống kê $\alpha = 5\%$, chứng tỏ rằng phạm vi hoạt động có liên quan đến lợi nhuận của HTXNN, hay có liên quan đến hiệu quả hoạt động của HTXNN, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả mô hình hồi quy cho thấy, khi mở rộng phạm vi hoạt động thì lợi nhuận của HTX tăng lên gần 105 triệu đồng, nghĩa là $X_4 = 1$. Do đó, trong điều kiện hiện nay, mở rộng phạm vi hoạt động cho HTXNN là một trong những yếu tố giúp HTX mang lại hiệu quả hoạt động tốt hơn là HTX chỉ hoạt động ở phạm vi xã. Do vậy, vấn đề mở rộng phạm vi hoạt động sẽ giúp HTX hoạt động hiệu quả.

Biến trình độ chuyên môn giám đốc có tác động cùng chiều với lợi nhuận của HTX ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$, điều này chứng tỏ rằng trình độ chuyên môn của Giám đốc có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của HTX. Hay nói cách khác là trình độ chuyên môn của Giám đốc có liên quan mật thiết với lợi nhuận của HTXNN, nghĩa là khi Giám đốc có trình độ chuyên môn cao thì lợi nhuận của HTXNN sẽ tăng 132 triệu đồng so với những Giám đốc điều hành, quản lý HTX có trình độ chuyên môn thấp. Ở một số HTX, Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có trình độ chuyên môn về quản lý, điều hành thì vấn đề đa dạng hóa dịch vụ, mở rộng phạm vi hoạt động cũng rất được các thành viên HTX quan tâm.

Biến nguồn vốn góp có mối tương quan thuận với lợi nhuận của HTXNN ở mức ý nghĩa 5%. Nếu trong điều kiện hiện nay, tăng nguồn vốn góp vào của HTX thì lợi nhuận của HTX sẽ có xu hướng tăng lên, nghĩa là $X_7 = 1$ thì lợi nhuận của HTX sẽ tăng lên khoảng 39 nghìn đồng, trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Do vậy, vấn đề góp vốn vào HTX là việc làm rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh để HTX mở ngành nghề đáp ứng nhu cầu cho thành viên và người dân ở địa phương.

3.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTXNN

Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh HTXNN và kết quả mô hình hồi quy, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao lợi nhuận trong các dịch vụ của HTXNN, cụ thể như sau:

Đối với các sở ban ngành: Cần đổi mới chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp; Cần suy xét và phát triển HTXNN theo hình thức hoạt động đa dịch vụ và phạm vi

rộng theo sinh thái nông nghiệp địa phương; Lồng ghép vai trò và phát triển HTXNN kiểu mới trong các chương trình và đề án tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và ứng phó biến đổi khí hậu.

Đối với Liên Minh HTX: Nâng cao năng lực tổ chức HTX qua huấn luyện Ban giám đốc; tạo cơ hội cho hộ khá tham gia, phát triển phương pháp lập kế hoạch hoạt động sản xuất và kinh doanh; Tạo cơ hội để tổ chức HTX kiểu mới nối kết với các chính sách nhà nước qua các chương trình, đề án của địa phương; Tranh thủ sự hỗ trợ của các chính sách, các chương trình hành động để nâng cao năng lực tổ chức HTX, mở rộng hoạt động và hình thức hoạt động theo nhu cầu thị trường tại địa phương, sử dụng tài nguyên nông hộ và sinh thái nông nghiệp hiệu quả hơn; Tranh thủ nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện chức năng nối kết thị trường và khai thác sinh thái nông nghiệp có hiệu quả.

Đối với Ban giám đốc và thành viên hợp tác xã nông nghiệp: Không ngừng nâng cao ý thức và năng lực tổ chức HTX qua năng lực của Ban giám đốc và thành viên tham gia lập kế hoạch sản xuất; Cơ hội để nối kết với bên ngoài, thúc đẩy hoạt động đa mục tiêu và không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động HTX.

4. Kết luận

Dựa vào kết quả nghiên cứu về thực trạng về hoạt động của các HTXNN tỉnh Thái Nguyên, tỉ lệ số HTXNN đã tăng qua các năm, tuy nhiên còn rất nhiều mặt hạn chế như nguồn vốn cho HTXNN chủ yếu được huy động từ thành viên HTX, các nguồn vốn khác chưa được tận dụng tối đa. Diện tích đất sử dụng của HTXNN chủ yếu đến từ thành viên nên trong quá trình hoạt động vẫn còn lệ thuộc vào thành viên HTXNN.

Mô hình hội quy nêu trên cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của HTXNN ở tỉnh Thái Nguyên bao gồm: Điểm xuất phát thành lập HTX, hình thức hoạt động, phạm vi hoạt động, trình độ chuyên môn của Giám đốc, và nguồn vốn góp của thành viên. Do đó, trong thời gian tới cần chú trọng các yếu tố này trong quá trình phát triển HTXNN ở địa phương.

Từ kết quả nghiên cứu trên, một số giải pháp cơ bản được đề nghị như sau:

Thứ nhất, cần đổi mới chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp, Các sở ban ngành cần suy xét và phát triển HTXNN theo hình thức hoạt động đa dịch vụ và phạm vi rộng theo sinh thái nông nghiệp địa phương

Thứ hai, liên minh hợp tác xã cần tranh thủ sự hỗ trợ của các chính sách, các chương trình hành động để nâng cao năng lực tổ chức HTX, mở rộng hoạt động và hình thức hoạt động theo nhu cầu thị trường tại địa phương, sử dụng tài nguyên nông hộ và sinh thái nông nghiệp hiệu quả hơn

Thứ ba, Ban giám đốc và thành viên hợp tác xã nông nghiệp cần không ngừng nâng cao ý thức và năng lực tổ chức HTX qua năng lực của Ban giám đốc và thành viên tham gia lập kế hoạch sản xuất, tạo cơ hội để kết nối với bên ngoài, thúc đẩy hoạt động đa mục tiêu và không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động HTX.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Central Executive Committee of the Communist Party of Vietnam, *Resolution 13/NQ- TW dated March 18, 2002 of the Central Executive Committee at the 5th conference of the IX Party Central Committee on continuing to innovate, develop and improve collective economic efficiency*, 2002.
- [2] Secretariat of the Communist Party of Vietnam, *Directive No. 20-CT/TW dated January 2, 2008 of the Secretariat on strengthening leadership in implementing the Resolution of the 5th Central Conference (Session IX) on continuing to innovate, develop and improve collective economic efficiency*, 2008.
- [3] Politburo, *Conclusion No. 56-KL/TW dated February 21, 2013 on promoting the implementation of the 5th Central Resolution of the sixth session on continuing to innovate, develop and improve collective economic efficiency*, 2013.
- [4] Thai Nguyen Provincial Party Executive Committee, *Resolution No. 10-NQ/TU dated October 21, 2019 on agricultural development in Thai Nguyen province in the period 2019 – 2025*, 2019.

-
- [5] Party Central Committee term XIII, *Plan No. 03/KH-UBND dated January 10, 2023 on implementing Resolution No. 20-NQ/TW dated June 16, 2022 on continued innovation and development and improve collective economic efficiency in the new period*, 2003.
- [6] T. Q. Chu, *Roles and solutions to enhance the role of cooperatives for members in agriculture and rural areas in Vietnam*. Agriculture Publisher, Hanoi, 2012.
- [7] T. T. Q. Dang, "Assessing the current situation and solutions to diversify the activities of agricultural cooperatives in An Giang," Master's thesis in Rural Development, Can Tho University, 2009.
- [8] M. T. Nguyen, "Collective economy contributes towards a cooperative society of mutual development," *Journal of Economics and Forecasting*, no. 3, p. 419, 2008.
- [9] T. M. N. Pham, *Cooperative economics textbook in agriculture*. Agriculture Publisher, Hanoi, 2006.
- [10] J. C. Narver and S. F. Slater, "The effect of a Market orientation on Business Profitability," *Journal of Marketing*, no. 54, pp. 20-30, October 1990.
- [11] V. P. Vu, "The role of the State in the development of agricultural cooperatives in Vietnam in the early years of the 21st century," *Journal of Agriculture and Rural development*, no. 81, pp. 1036-1038, 2004.
- [12] N. T. Duong, C. T. Nguyen, and T. T. H. Ha, "Assessing factors affecting the effectiveness of agricultural cooperatives in An Giang province," *Can Tho University Science Magazine*, vol. 54, no. 4D, pp. 212-219, 2018.
- [13] T. T. P. Do, "Current status of production and business activities of cooperatives in Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 118, no. 04, pp. 115-121, 2014.
- [14] T. T. Do, V. N. Mai, M. H. Phuoc, and V. T. Bui, "Developing cooperative economy and agricultural cooperatives in Can Tho province," Scientific research topic, Faculty of Economics and Business Administration - Can Tho University, 1999.
- [15] V. H. Phan, "Investigate, evaluate the current situation and propose solutions to improve the operational efficiency of cooperatives in Quang Ngai province," Quang Ngai province-level project, 2011.
- [16] S. Bhuyan, "An analysis of dairy farmer participation in cooperatives in the Northeast USA," International Workshop: Rural cooperation in the 21st century: Lessons from the past, pathways to the future, Rehovot, Israel, 2009.
- [17] T. K. L. Le, "Business efficiency of agricultural cooperatives in Thua Thien Hue province," Doctoral thesis in agricultural economics, Hue University, 2010.
- [18] M. L. Cook, "The role of management behavior in agricultural cooperatives," *Journal of Agricultural Cooperation*, no. 9, pp. 42-58, 1994.
- [19] J. Pretty, "Toward sustainable food and farming systems in industrialized countries," *International Journal of Agricultural Resources, Governance and Ecology*, vol. 1, no. 1, pp. 77-94, 2000.